

Bài tập 2:

Thiết kế các cấp đường giao thông

1. Đường đô thị 8 làn xe, hai chiều, có dải phân cách trồng cây rộng 2m > **3m75**
2. Đường đô thị 6 làn xe, hai chiều, có dải phân cách BTCT 0,5m > **3m75**
3. Đường khu vực 4 làn xe, một chiều > **3m50**
4. Đường khu vực 3 làn xe, một chiều > **3m50**
5. Đường nhóm nhà 2 làn xe, hai chiều > **3m00**

Biết vỉa hè rộng trong khoảng 2 - 4m ở mỗi bên.

Vẽ mặt cắt đường và xác định lộ giới mỗi loại đường

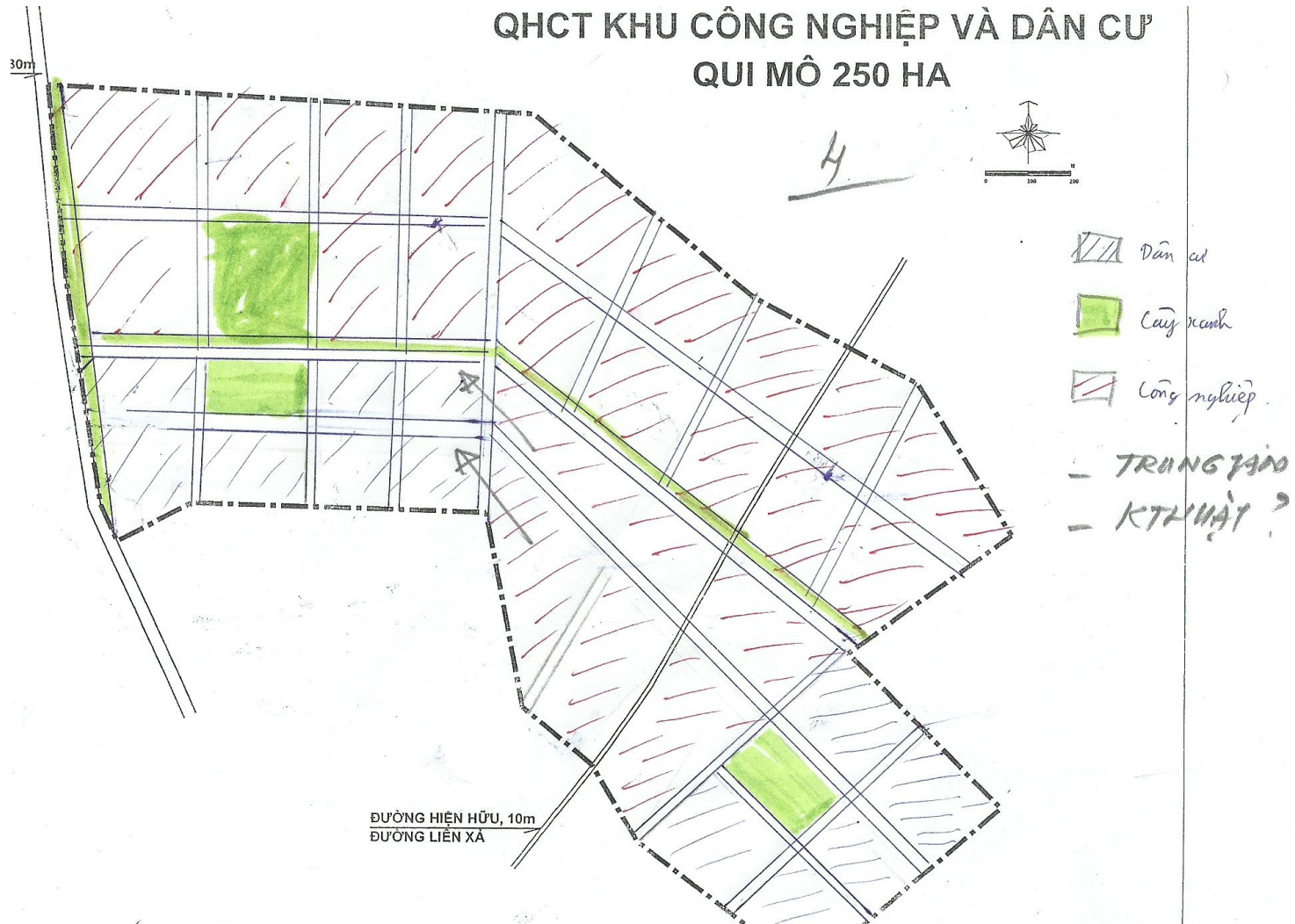
Bảng 2: Quy định về các loại đường trong đô thị

Cấp đường	Loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Bề rộng 1 làn xe (m)	Bề rộng của đường (m)	Khoảng cách hai đường (m)	Mật độ đường km/km ²
Cấp đô thị	1. Đường cao tốc đô thị				4.800÷8.000	0,4÷0,25
	- Cấp 100	100	3,75	27÷110	-	
	- Cấp 80	80	3,75	27÷90	-	
	2. Đường trục chính đô thị	80÷100	3,75	30÷80 (*)	2400÷4000	0,83÷0,5
	3. Đường chính đô thị	80÷100	3,75	30÷70 (*)	1200÷2000	1,5÷1,0
	4. Đường liên khu vực	60÷80	3,75	30÷50	600÷1000	3,3÷2,0
Cấp khu vực	5. Đường chính khu vực	50÷60	3,5	22÷35	300÷500	6,5÷4,0
	6. Đường khu vực	40÷50	3,5	16÷25	250÷300	8,0÷6,5
Cấp nội bộ	7. Đường phân khu vực	40	3,5	13÷20	150÷250	13,3÷10
	8. Đường nhóm nhà ở, vào nhà	20÷30	3,0	7÷15	-	-
	9. Đường đi xe đạp Đường đi bộ		1,5 0,75	≥3,0 1,5	-	-

Bài tập 3

Đồ án không đạt

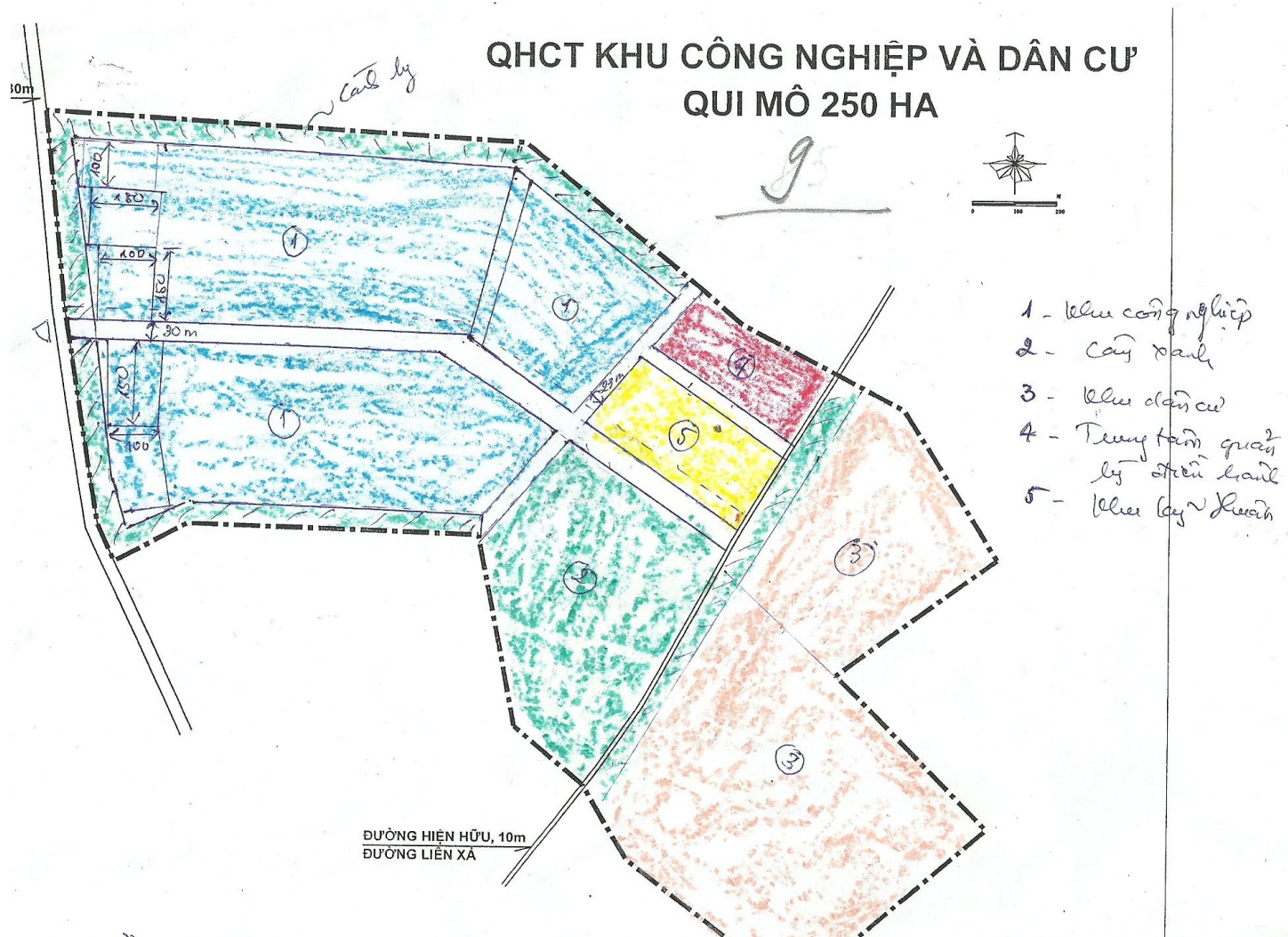
3



Bài tập 3

Đồ án đạt loại tốt

4



CÁC KHU CHỨC NĂNG TRONG KCN

STT	LOẠI ĐẤT	TỈ LỆ (%)	MẬT ĐỘ (%)
1	KHU VỰC CÁC XNCN	> 55	Theo bảng sau
2	KHU KỸ THUẬT	> 1	
3	TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH	> 1	30-35%
4	GIAO THÔNG	> 8	
5	CÂY XANH	> 10	5%
6	<i>CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU (CNKTC)</i>	<i>35 > x > 25</i>	<i>25-35%</i>

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

Đ.H BÁCH KHOA

KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG - BỘ MÔN KIẾN TRÚC

NỘI DUNG MÔN HỌC

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

1. Chương I Khái niệm về định cư
 2. Chương II Tổng quan về sự hình thành phát triển ĐT
- Nghỉ tết*
3. Chương III Đô thị hoá – vấn nạn đô thị
 4. Chương IV Các lý thuyết về QHĐT - Các vấn đề cần quan tâm trong QHĐT
 5. Chương V Các khu chức năng đô thị
 6. Chương V Các khu chức năng đô thị (tt)
- Kiểm tra giữa kỳ*
7. Chương V Các khu chức năng đô thị (tt)
 8. **Chương VI Thiết kế đô thị**
 9. Chương VII Cải tạo đô thị
 10. Chương VIII Phát triển đô thị bền vững
- Thi cuối kỳ*

1. ĐỊNH NGHĨA
2. NGUỒN GỐC VÀ LÝ LUẬN
3. NHÂN TỐ VÀ NGUYÊN TẮC
4. QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ

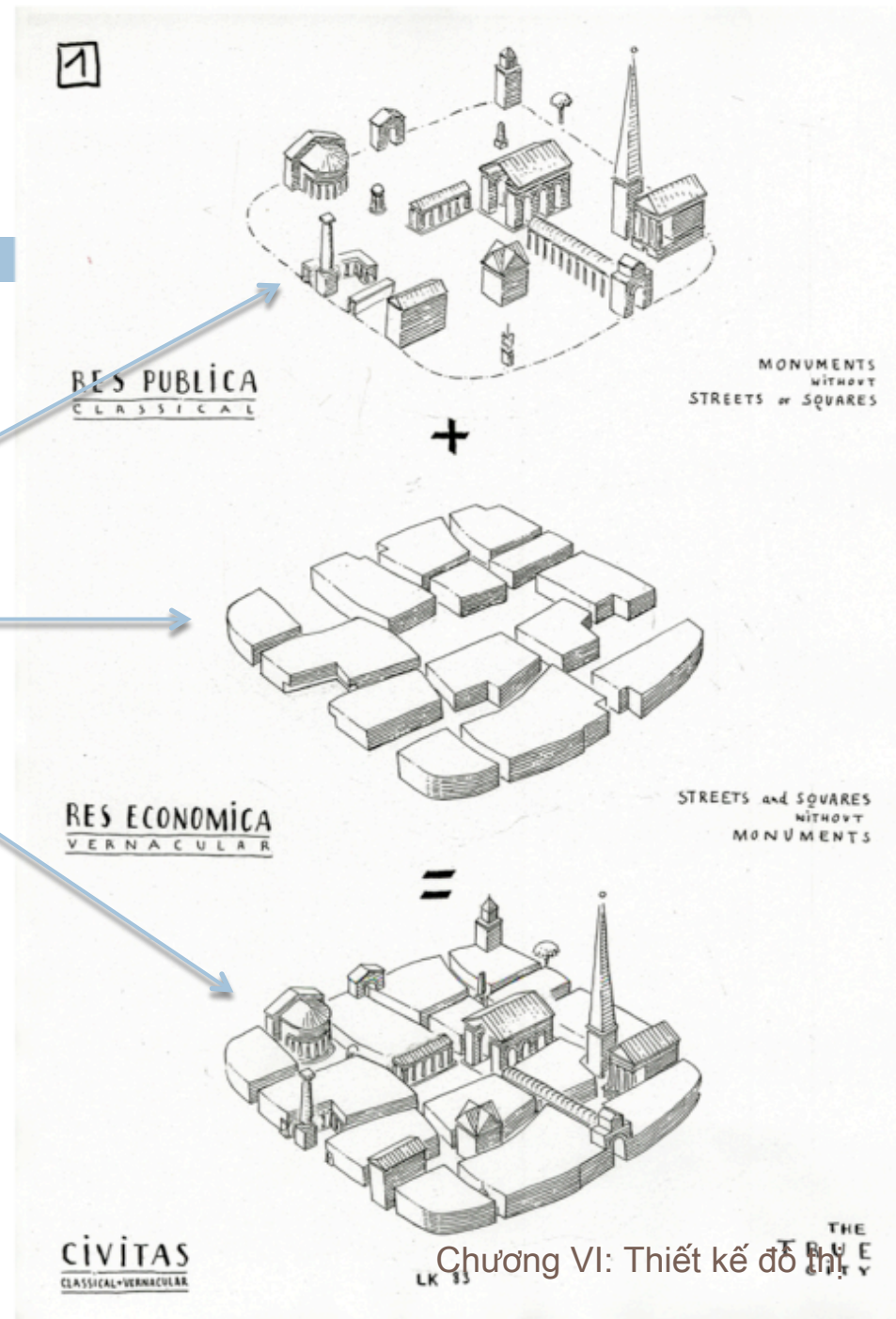
Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

9

Môi trường hình thể mang tính biểu tượng của **Kevin Lynch**

1. Kiến trúc mang tính biểu tượng
2. Các phố phường thông thường
3. Đô thị có tính hình ảnh

$$1 + 2 = 3$$



Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

10

ĐỊNH NGHĨA

- ▣ Môi trường **hình thể** luận
 - Thiết kế môi trường hình thể đô thị dưới **góc độ không gian 3 chiều**
- ▣ **Kiến trúc** luận
 - Sự sáng tạo **trật tự không gian**, về cơ bản là một vấn đề kiến trúc, là thiết kế kiến trúc đại quy mô hoặc sự mở rộng của thiết kế kiến trúc
- ▣ **Quy hoạch** luận
 - Là **một giai đoạn hoặc một ngành** của QHĐT, là sự đi sâu, và cụ thể hoá hơn.
- ▣ **Quản lý** luận
 - **Một bộ phận** của công việc nhà nước, là sự vận dụng pháp luật **để khống chế** tổng hợp sự phát triển đô thị
- ▣ **Toàn cục** quá trình luận
 - **Quán xuyên tổng thể** quá trình xây dựng đô thị, là công cụ để giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội và hình thức vật chất

Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

11

ĐỊNH NGHĨA

Các quan điểm trên chưa toàn diện, nhưng cho thấy thiết kế đô thị là một **lĩnh vực của nhiều bộ môn khoa học**, bao hàm một phạm vi rất rộng, đang trong quá trình phát triển chưa thuần thục và cần thời gian hoàn chỉnh.

Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

12

NGUỒN GỐC VÀ LÝ LUẬN

Từ thời **cổ đại**, khi con người bắt đầu định cư, quần tụ lại với nhau, thì đã có **ý thức sắp xếp phòng ở và bố cục điểm dân cư của mình**

Môi trường **hình thể** bắt đầu có sự tồn tại của **hình dáng và mô thức**

Thiết kế đô thị Phương Tây nổi tiếng với các kiến trúc:

- ▣ Acropole ở Athens
- ▣ Quảng trường Campo ở Siena
- ▣ Quảng trường San Marco ở Venise
- ▣ Forum ở La mã

*Nhưng vẫn chưa được xem là ngành chuyên môn riêng và chỉ có tác dụng đơn độc
Thế kỷ 19, QHĐT cũng chỉ là một nhánh của Kiến trúc học*

Acropolis - Athens





Quảng trường Campo ở Siena



Quảng trường San Marco ở Venice



16

Forum ở La mã

Chương VI:
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

QUY HOẠCH ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

Chương VI: Thiết kế đô thị

Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

17

NGUỒN GỐC VÀ LÝ LUẬN

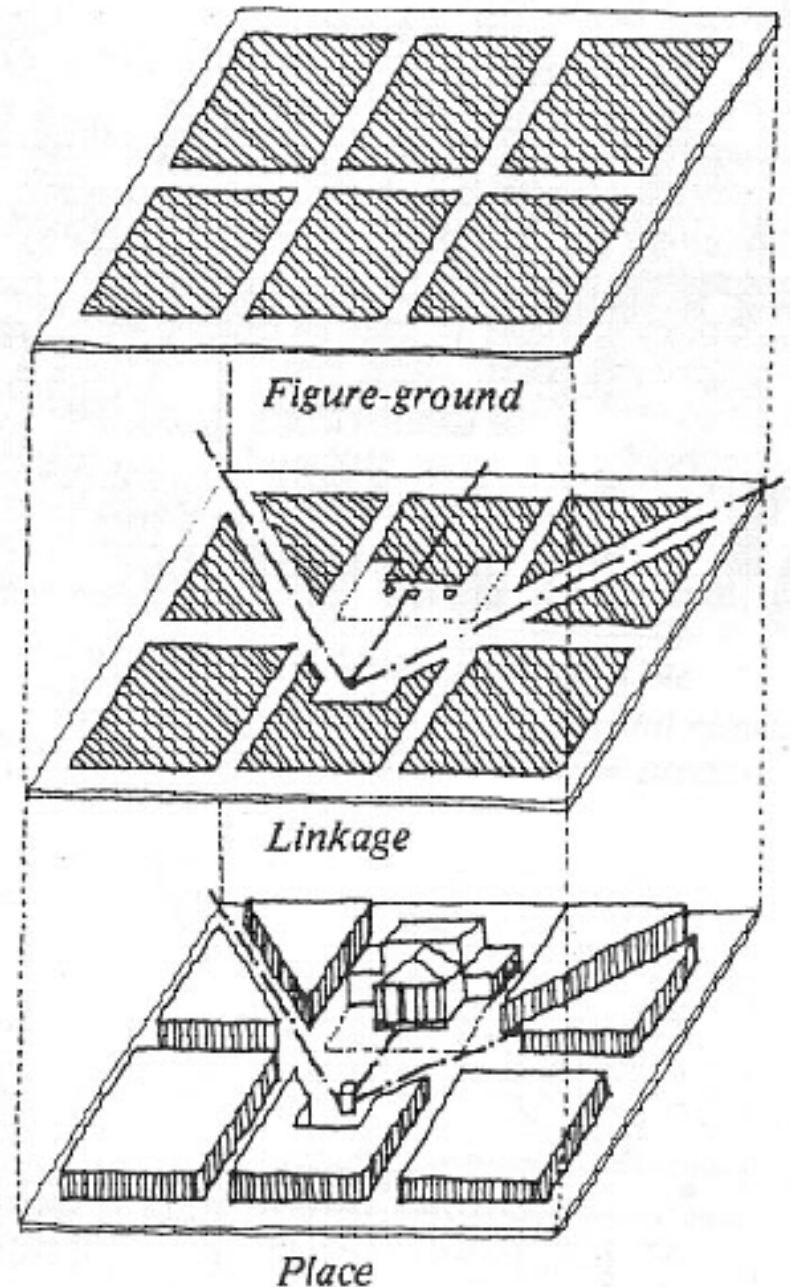
- Cuối thế kỷ 19, nhà đô thị người Áo Camillo xuất bản cuốn sách “**Nguyên tắc nghệ thuật của QHĐT**” – tổng kết những kinh nghiệm thiết kế đô thị, quảng trường, đường phố thời cổ đại, và **đề xuất khái niệm Thiết kế đô thị**;
- 1898: **Thành phố vườn của Ebenezer** có tác dụng rất tích cực đến phát triển các thành phố mới thời điểm đó;
- Cuối thế kỷ 19: Daniel Podamu đề xuất **phong trào làm đẹp các thành phố tại Mỹ**. Sau đó ra đời chuyên ngành QHĐT, và 1916 ra đời phương pháp **quy hoạch phân vùng (Zoning)** tại Newyork;
- 1922: **Le Corbusier** đề xuất “**Thành phố của ngày mai**”, “Thành phố lý tưởng” nhằm sơ tán trung tâm đô thị, gia tăng mật độ, cải thiện giao thông và tăng diện tích cây xanh;
- **Đầu thế kỷ 20**: chuyên ngành QHĐT được tách ra khỏi Kiến trúc tại Anh, và 1914: thành lập Hiệp hội Quy hoạch;
- **1960: môn Thiết kế đô thị được lần đầu tiên dạy tại Harvard**;
- Những năm 70: thiết kế đô thị sôi động tại Mỹ và từ quy hoạch đô thị trên mặt bằng **2 chiều** sang toàn diện 3 mặt quy hoạch **xã hội, kinh tế và môi trường hình thể**.

Chương VI: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

18

NGUỒN GỐC VÀ LÝ LUẬN

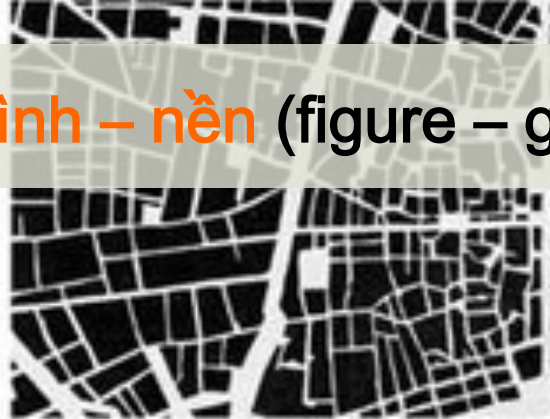
1. 3 phương pháp nghiên cứu lý luận
 - ▣ Lý luận về quan hệ hình – nền (figure – ground)
 - ▣ Lý luận sự liên hệ (linkage)
 - ▣ Lý luận về địa điểm (place)
2. Lý luận hình ảnh đô thị



Lý luận về quan hệ hình – nền (figure – ground)



MISSISSAUGA



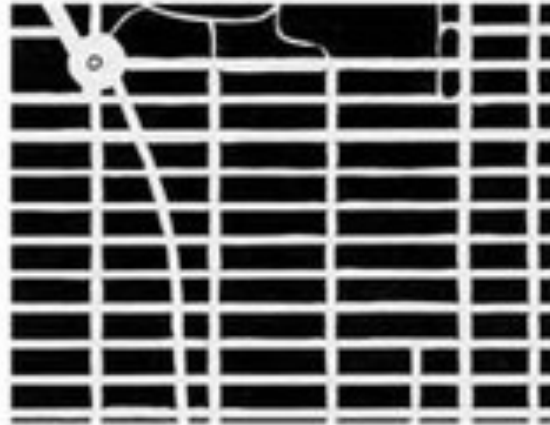
BARCELONA



COPENHAGEN



LONDON



NEW YORK



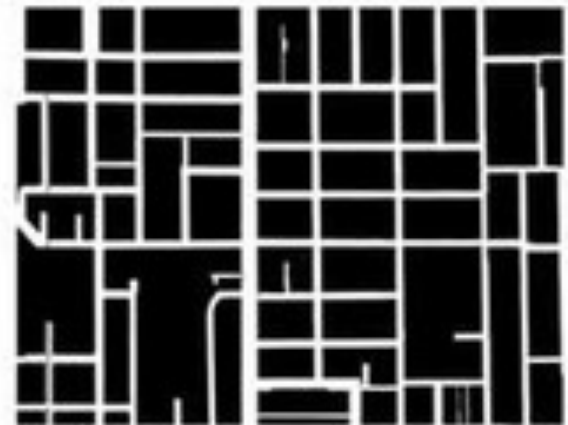
PARIS



ROME



SAN FRANCISCO



TORONTO



FIGURE GROUND DEVELOPMENT PATTERNS